

Số: 04 /2008/TT-BKH

*Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2008*

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn một số quy định tại  
Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ  
về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác**

Căn cứ Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác;

Căn cứ Nghị định số 61/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác (sau đây viết tắt là Nghị định 151/2007/NĐ-CP) như sau:

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**1. Mục đích**

Thông tư này hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho thành lập và hoạt động của tổ hợp tác nhằm khuyến khích nhiều tổ hợp tác ra đời, góp phần xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, cải thiện, nâng cao đời sống của các tổ viên tổ hợp tác.

**2. Đối tượng áp dụng**

Đối tượng áp dụng của Thông tư này gồm:

- a. Tổ hợp tác được quy định tại Điều 1 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.
- b. Tổ chức có tên gọi khác như: “nhóm liên kết”, “câu lạc bộ”, “tổ tương trợ”, v.v., nhưng có tính chất tổ chức và hoạt động phù hợp với quy định về tổ hợp tác tại Điều 1 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.

**3. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung và quy định thống nhất mẫu hợp đồng hợp tác, trình tự thủ tục thành lập và hỗ trợ tổ hợp tác.

## **II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **1. Xây dựng hợp đồng hợp tác**

Hợp đồng hợp tác được xây dựng theo Mẫu hướng dẫn xây dựng hợp đồng hợp tác ban hành kèm theo Thông tư này.

### **2. Trình tự, thủ tục chứng thực hợp đồng hợp tác**

2.1. Tổ hợp tác gửi ít nhất 02 bản hợp đồng hợp tác hoặc hợp đồng hợp tác sửa đổi, bổ sung và giấy đề nghị chứng thực hoặc chứng thực lại theo Mẫu THT1 được ban hành kèm theo Thông tư này tới Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã). Mẫu THT1 được Ủy ban nhân dân cấp xã cấp miễn phí. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận cho tổ hợp tác.

2.2. Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực hoặc chứng thực lại (ký và đóng dấu) vào hợp đồng hợp tác trong thời hạn không quá 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hợp đồng hợp tác có nội dung phù hợp với quy định tại Mẫu hướng dẫn xây dựng hợp đồng hợp tác ban hành kèm theo Thông tư này.

Ủy ban nhân dân cấp xã lưu 01 bản hợp đồng để phục vụ công tác quản lý nhà nước về tổ hợp tác.

2.3. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không chứng thực hợp đồng hợp tác thì trong thời hạn không quá 5 ngày làm việc phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.

2.4. Trường hợp tổ hợp tác tổ chức và hoạt động với quy mô liên xã thì tổ hợp tác có quyền lựa chọn nơi chứng thực hợp đồng hợp tác thuận lợi cho tổ chức và hoạt động của mình.

### **3. Thay đổi tổ trưởng tổ hợp tác**

Trường hợp thay đổi tổ trưởng, tổ hợp tác phải thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ hợp tác chứng thực theo Mẫu THT2 được ban hành kèm theo Thông tư này.

### **4. Chấm dứt tổ hợp tác**

Trường hợp chấm dứt tổ hợp tác, trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt hoạt động, tổ hợp tác phải thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ hợp tác chứng thực theo Mẫu THT3 được ban hành kèm theo Thông tư này.

### **5. Hỗ trợ tổ hợp tác**

#### **5.1. Hỗ trợ thành lập mới, đào tạo, bồi dưỡng tổ trưởng tổ hợp tác**

##### **5.1.1. Nguyên tắc hỗ trợ:**

Tổ hợp tác theo quy định tại Điều 1 Nghị định 151/2007/NĐ-CP được hỗ trợ các nội dung thành lập mới, đào tạo, bồi dưỡng tổ trưởng tổ hợp tác; ưu tiên các tổ hợp tác có nhiều tổ viên, hoạt động lâu năm, có nhiều tổ viên hộ nghèo, hộ dân tộc, hộ chính sách.

#### 5.1.2. Nội dung hỗ trợ:

a. Tổ hợp tác khi thành lập được hỗ trợ các nội dung sau:

- Thông tin, tư vấn kiến thức về tổ hợp tác;
- Tư vấn tổ chức hội nghị thành lập tổ hợp tác;
- Tư vấn xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ hợp tác; xây dựng nội dung hợp đồng hợp tác; xác định tên, biểu tượng (nếu có) của tổ hợp tác; hoàn thiện các thủ tục để thành lập tổ hợp tác; bầu tổ trưởng, ban điều hành (nếu cần thiết).

b. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đối với tổ trưởng tổ hợp tác được áp dụng tương tự như các đối tượng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã; và chỉ được thực hiện sau khi Hợp đồng hợp tác của tổ hợp tác được chứng thực.

#### 5.1.3. Trình tự, thủ tục hỗ trợ:

a. Trình tự, thủ tục hỗ trợ áp dụng tương tự như đối với hợp tác xã được quy định tại Thông tư số 02/2006/TT-BKH ngày 13 tháng 02 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện một số điều tại Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã.

b. Đại diện của tổ hợp tác hoặc đại diện của những người có ý tưởng thành lập tổ hợp tác đề nghị hỗ trợ nộp đơn theo Mẫu THT4 ban hành kèm theo Thông tư này được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ hợp tác chứng thực cấp miễn phí.

#### 5.1.4. Kinh phí hỗ trợ:

a. Bộ Tài chính thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư áp dụng Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về chế độ tài chính hỗ trợ các sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của hợp tác xã.

b. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ nhu cầu hỗ trợ và khả năng cân đối ngân sách của địa phương chỉ đạo việc bố trí kinh phí để tổ chức thực hiện hỗ trợ thành lập mới tổ hợp tác, đào tạo, bồi dưỡng tổ trưởng tổ hợp tác.

## 5.2. Hỗ trợ khác

5.2.1. Cơ quan chính quyền các cấp, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm thông tin đầy đủ, kịp thời; hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ hợp tác được hưởng các chính sách hỗ trợ và tham gia xây dựng, thực hiện các kế hoạch, chương trình, dự án hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể; kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm và xoá đói giảm nghèo ở địa phương.

5.2.2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ phát triển tổ hợp tác nhằm mục tiêu xoá đói, giảm nghèo, tạo việc làm, cải thiện đời sống tổ viên tổ hợp tác.

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này; trường hợp cần thiết có thể hướng dẫn chi tiết phù hợp yêu cầu của địa phương mình, ngành mình.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp số lượng và tình hình hoạt động của tổ hợp tác trên địa bàn theo Mẫu THT5 ban hành kèm theo Thông tư này; báo cáo định kỳ 6 tháng gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và các Phòng quản lý chuyên ngành có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trước ngày 5 tháng 7 và 5 tháng 1 hàng năm.

3. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh tổng hợp số lượng và tình hình hoạt động của tổ hợp tác trên địa bàn theo Mẫu THT5 ban hành kèm theo Thông tư này; báo cáo định kỳ 6 tháng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở quản lý chuyên ngành có liên quan trước ngày 15 tháng 7 và 15 tháng 1 hàng năm.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp số lượng và tình hình hoạt động của tổ hợp tác trên địa bàn theo Mẫu THT5 ban hành kèm theo Thông tư này; báo cáo định kỳ 6 tháng và cả năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành có liên quan trước ngày 25 tháng 7 và 25 tháng 1 hàng năm, đồng thời tổng hợp vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

## IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo.

2. Tổ hợp tác đã hoạt động trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiến hành chứng thực hoặc chứng thực lại trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

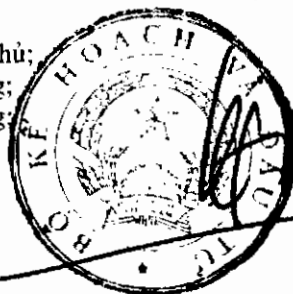
Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo thuộc Văn phòng Chính phủ;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố;
- Lãnh đạo Bộ, các Cục, Vụ, Viện, đơn vị trực thuộc;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Lưu: HTX, VT.

G. 300

BỘ TRƯỞNG



Võ Hồng Phúc

# MẪU HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG HỢP ĐỒNG HỢP TÁC

(Ban hành kèm theo Thông tư số: **04** /2008/TT-BKH  
ngày **09** tháng **7** năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

## CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

### HỢP ĐỒNG HỢP TÁC

(*Hướng dẫn: Hợp đồng hợp tác có thể có tên gọi khác, như nội quy, quy ước, quy chế hoạt động, v.v., nhưng nội dung phải phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định 151/NĐ-CP.*)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác;

Chúng tôi gồm các tổ viên có danh sách kèm theo cùng nhau cam kết thực hiện hợp đồng hợp tác với các nội dung sau:

#### **Điều 1. Tên, biểu tượng, địa chỉ giao dịch của tổ hợp tác**

1. Tên của tổ hợp tác:.....

2. Biểu tượng (nếu có)

(*Hướng dẫn:*

*1. Hợp đồng hợp tác ghi rõ tên, biểu tượng của tổ hợp tác (nếu có) không trùng, không gây nhầm lẫn với tên, biểu tượng của tổ hợp tác khác trong phạm vi cấp xã nơi tổ hợp tác chứng thực hợp đồng hợp tác; biểu tượng của tổ hợp tác phải được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.*

*2. Trường hợp tổ hợp tác có tổ viên cư trú ở các xã khác nhau thì tên, biểu tượng không trùng, không gây nhầm lẫn với tên, biểu tượng của tổ hợp tác khác trên địa bàn các xã mà tổ viên tổ hợp tác đó cư trú.)*

3. Địa chỉ giao dịch:

a. Số nhà (nếu có).....

b. Đường phố/thôn/bản.....

c. Xã/phường/thị trấn.....

d. Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh.....

- e. Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.....
- f. Số điện thoại/fax (nếu có).....
- g. Địa chỉ thư điện tử (nếu có).....
- h. Địa chỉ Website (nếu có).....

**Điều 2. Mục đích, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác**

*(Hướng dẫn:*

*1. Mục đích:*

*Các tổ viên tổ hợp tác sau khi thảo luận, thống nhất quyết định thực hiện các công việc sau:*

- a.....*
- b.....*
- c.....*

*2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 2 Nghị định 151/2007/NĐ-CP. Tổ hợp tác có thể quy định thêm các nguyên tắc khác không trái với quy định của pháp luật.)*

**Điều 3. Thời hạn hợp đồng hợp tác**

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày.....tháng.....năm.....đến hết ngày.....tháng .....năm.....

*(Hướng dẫn: Tổ hợp tác chú ý xác định thời hạn hợp đồng hợp tác phù hợp với mục đích của tổ hợp tác.)*

**Điều 4. Tài sản của tổ hợp tác**

*(Hướng dẫn:*

*1. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 19 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.*

*2. Hợp đồng hợp tác quy định tài sản đóng góp của tổ viên tổ hợp tác kèm theo “danh sách đóng góp tài sản của tổ viên tổ hợp tác” được ban hành kèm theo Thông tư này - Mẫu THT6.*

*3. Hợp đồng hợp tác quy định tài sản cùng tạo lập, được tặng, được cho chung và tài sản khác theo quy định của pháp luật, kèm theo “bảng tài sản chung của tổ hợp tác” được ban hành kèm theo Thông tư này - Mẫu THT7.)*

**Điều 5. Công tác tài chính, kế toán của tổ hợp tác**

*(Hướng dẫn:*

1. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 20 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.

2. Hợp đồng hợp tác quy định hình thức, nội dung, thời hạn báo cáo tài chính trong nội bộ tổ hợp tác.)

#### **Điều 6. Phương thức phân phối hoa lợi, lợi tức và xử lý lỗ giữa các tổ viên**

(Hướng dẫn:

1. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 21 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.

2. Hợp đồng hợp tác có thể quy định cụ thể tỷ lệ đa số tổ viên từ trên 50% đến 100%.

3. Hợp đồng hợp tác quy định cụ thể phương thức xử lý lỗ và rủi ro, ví dụ:

- Giảm các khoản thu của tổ viên, tổ chức có trách nhiệm liên đới theo quy định của pháp luật và Hợp đồng hợp tác này;

- Sử dụng khoản tiền bồi thường của các tổ chức mà tổ hợp tác đã mua bảo hiểm;

- Trường hợp sử dụng các khoản trên vẫn chưa đủ bù lỗ thì số lỗ còn lại được bù đắp bằng khoản tích lũy chung theo thoả thuận của đa số tổ viên; tổ hợp tác có thể quy định tỷ lệ đa số từ trên 50% đến 100%;

- Khi đã sử dụng tất cả các khoản thu trên mà vẫn không đủ trang trải số thực lỗ thì số lỗ còn lại được chuyển sang năm sau hoặc được trích từ phần tài sản đóng góp của tổ viên với tỷ lệ tương ứng theo thoả thuận của tổ hợp tác.)

#### **Điều 7. Điều kiện, thủ tục kết nạp tổ viên tổ hợp tác**

(Hướng dẫn:

1. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 7 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.

2. Hợp đồng hợp tác có thể quy định cụ thể tỷ lệ đa số tổ viên biểu quyết từ trên 50% đến 100%.

3. Căn cứ ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của tổ hợp tác để thống nhất các quy định khác về điều kiện trở thành tổ viên, như: tay nghề, sức khỏe, số vốn góp....)

#### **Điều 8. Quyền, nghĩa vụ của các tổ viên**

(Hướng dẫn:



1. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 8,9,10 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.

2. Hợp đồng hợp tác quy định cụ thể hình thức kiểm tra, giám sát của tổ viên đối với tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác.

3. Hợp đồng hợp tác quy định điều kiện tổ viên ra khỏi tổ hợp tác trong các trường hợp sau: Tổ viên chuyển nơi cư trú không thuộc địa bàn hoạt động của tổ hợp tác và không thuận lợi cho việc tham gia tổ hợp tác; tổ viên gặp khó khăn rủi ro từ nguyên nhân bất khả kháng, không đủ khả năng thực hiện thoả thuận theo Hợp đồng hợp tác này.

4. Hợp đồng hợp tác có thể quy định thêm các điều kiện tổ viên ra khỏi tổ hợp tác không trái với quy định của pháp luật.)

### **Điều 9. Quyền, nghĩa vụ của tổ trưởng, ban điều hành (nếu có)**

1. Quyền của tổ trưởng:

(Hướng dẫn:

1. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.

2. Tổ trưởng phải là tổ viên.

3. Việc bồi dưỡng đối với tổ trưởng được thoả thuận giữa các tổ viên tổ hợp tác.

4. Hợp đồng hợp tác có thể quy định bổ sung quyền của tổ trưởng không trái với quy định của pháp luật.)

2. Trách nhiệm của tổ trưởng:

(Hướng dẫn:

1. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.

2. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Khoản 2,3,4 Điều 18 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.)

3. Trách nhiệm của ban điều hành (nếu có):

(Hướng dẫn:

1. Trường hợp cần thiết, tổ hợp tác có thể bầu ban điều hành. Tổ trưởng là trưởng ban điều hành. Số lượng, tiêu chuẩn và cách thức bầu ban điều hành do các tổ viên thoả thuận cụ thể.

2. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.)

**Điều 10. Điều kiện chấm dứt tổ hợp tác**

(*Hướng dẫn: Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Khoản 1,3 Điều 15 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.*)

**Điều 11. Quy định phương thức giải quyết tranh chấp trong nội bộ tổ hợp tác**

(*Hướng dẫn: Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 14 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.*)

**Điều 12. Các thoả thuận khác (nếu có)**

(*Hướng dẫn: Tổ hợp tác có thể thoả thuận các nội dung khác của hợp đồng hợp tác không trái quy định pháp luật.*)

**Điều 13. Điều khoản thi hành**

1. Hợp đồng hợp tác này đã được thông qua tại cuộc họp tổ viên Tổ hợp tác .....ngày.....tháng .....năm.....

2. Các tổ viên của tổ có trách nhiệm thi hành Hợp đồng hợp tác này.

3. Mọi sự thay đổi hợp đồng hợp tác phải được đa số tổ viên thống nhất thông qua.

(*Hướng dẫn: Hợp đồng hợp tác có thể quy định cụ thể tỷ lệ đa số tổ viên thống nhất thông qua từ trên 50% đến 100%.*)

Chúng tôi, gồm tất cả tổ viên tổ hợp tác thống nhất và ký tên vào Hợp đồng hợp tác này:

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ nơi cư trú	Số chứng minh nhân dân	Chữ ký (hoặc điểm chỉ)
I	Tổ trưởng				
II	Ban điều hành (nếu có)				
1					
2					
.....					
III	Tổ viên				
1					

2					
3					
.....					

....., ngày .... tháng .... năm .....

**TM. Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....**

Chứng thực Tổ hợp tác.....

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu THT1

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CHỨNG THỰC/CHỨNG THỰC LẠI**

*Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....*

Tôi là:..... Nam/Nữ.....

(ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa)

Sinh ngày .../.../..... Dân tộc:.....

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số: .....

Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

.....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại (nếu có):..... Di động (nếu có):.....

Fax (nếu có):..... Email (nếu có):.....

Là đại diện của tổ hợp tác..... đề nghị Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) chứng thực/chứng thực lại Hợp đồng hợp tác được gửi kèm theo.

Kính đề nghị./.

....., ngày .... tháng .... năm .....

**Tổ trưởng tổ hợp tác**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu THT2

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO**

Về việc thay đổi Tổ trưởng tổ hợp tác

Kính gửi: Ủy ban nhân nhân xã/phường/thị trấn.....

1. Tên tổ hợp tác: (Viết bằng chữ in hoa).....  
có Hợp đồng hợp tác số:.....được Ủy ban nhân dân.....chứng thực  
ngày..... tháng .....năm .....

2. Họ tên người đại diện cho tổ hợp tác (ghi rõ họ và tên, viết bằng chữ in hoa):

.....Nam/Nữ:.....

Sinh ngày:...../...../.....

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:.....

Cấp ngày:...../...../.....Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có):.....

Email (nếu có):..... Website (nếu có):.....

**Thông báo thay đổi Tổ trưởng tổ hợp tác.....:**

Ông/ bà.....Nam/Nữ:.....

Sinh ngày:...../...../.....

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:.....

Cấp ngày:...../...../.....Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có):.....

Email (nếu có):..... Website (nếu có):.....

Làm Tổ trưởng tổ hợp tác:.....từ ngày...../...../.....

Thay cho Ông/bà.....

Xin thông báo quý Ủy ban./.

**TM. Tổ hợp tác**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu THT3

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO**  
Về việc chấm dứt tổ hợp tác

Kính gửi: Ủy ban nhân nhân xã/phường/thị trấn.....

1. Tên tổ hợp tác: (Viết bằng chữ in hoa).....  
Hợp đồng hợp tác số:..... do Ủy ban nhân dân.....  
Chứng thực ngày...../...../.....
2. Họ tên Tổ trưởng tổ hợp tác (ghi rõ họ và tên, viết bằng chữ in hoa):  
.....Nam/Nữ:.....  
Sinh ngày:...../...../.....  
Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:.....  
Cấp ngày:...../...../..... Nơi cấp:.....  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....  
Điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có):.....  
Email (nếu có):..... Website (nếu có):.....

**Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác.....**

kể từ ngày...../...../..... vì các lý do sau đây:

.....  
.....  
.....

Xin thông báo quý Ủy ban./.

**TM. Tổ hợp tác**  
**Tổ trưởng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu THT4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

*Kính gửi: UBND huyện/quận/thị xã/thành phố.....*

Tôi là:..... Nam/Nữ.....

(ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa)

Sinh ngày .../.../..... Dân tộc:.....

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số: .....

Ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại (nếu có):..... Di động (nếu có):.....

Fax (nếu có):.....Email (nếu có): .....

Là đại diện của tổ hợp tác..... để nghị được hỗ trợ<sup>1</sup> nội dung sau:

.....

.....

.....

Thay mặt toàn thể tổ viên tổ hợp tác, cam kết nhu cầu hỗ trợ trên đây là hoàn toàn cần thiết cho tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác.

Nếu sai sự thật, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

....., ngày .... tháng .... năm .....

Xác nhận của UBND xã,  
phường, thị trấn

Người làm đơn  
(Ký, ghi rõ họ tên)

<sup>1</sup> Tổ hợp tác lựa chọn và ghi một trong những nội dung hỗ trợ theo nhu cầu của mình: Thành lập mới; bồi dưỡng; hoặc đào tạo tổ trưởng tổ hợp tác.

Mẫu THT5

(Tên cơ quan báo cáo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO**

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5
<b>1</b>	<b>Tổng số tổ hợp tác</b>	Tổ HT		
	<i>Trong đó : Thành lập mới</i>	"		
	<i>Chấm dứt hoạt động</i>	"		
<b>2</b>	<b>Tổng số tổ viên tổ hợp tác</b>	Tổ viên		
	<i>Trong đó : Tổ viên mới</i>	"		
	<i>Tổ viên ra khỏi tổ hợp tác</i>	"		
<b>3</b>	<b>Tổ hợp tác phân theo mục đích hoạt động</b>			
a	Tổ hợp tác không hoạt động kinh Tế			
	- Tổng số THT	Tổ HT		
	- Tổng số tổ viên THT	Tổ viên		
b	Tổ hợp tác hoạt động kinh tế			
	- Tổng số THT	Tổ HT		
	- Tổng số tổ viên THT	Tổ viên		
	- Tổng doanh thu	Tr.đồng		
	- Giá trị xuất khẩu trực tiếp (nếu có)	Tr.đồng		
	- Số tổ hoạt động có lãi	Tổ HT		
	<i>Lãi bình quân 1 tổ hợp tác</i>	Tr.đồng		
	- Số tổ hoạt động lỗ	Tổ HT		
	<i>Lỗ bình quân 1 tổ hợp tác</i>	Tr.đồng		

**II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:**

Nơi nhận:

(chức danh thủ trưởng cơ quan báo cáo)

....

(Ký tên, đóng dấu)



Mẫu THT6

**DANH SÁCH ĐÓNG GÓP TÀI SẢN CỦA TỔ VIÊN TỔ HỢP TÁC:**.....

STT	Họ và tên	Tài sản sẽ trả lại khi tổ viên ra khỏi tổ hợp tác					Tài sản chung không chia khi tổ viên ra khỏi tổ hợp tác					Chữ ký (hoặc điểm chỉ)
		Vật		Tiền mặt (đồng)	Giấy tờ có giá	Quyền tài sản	Vật		Tiền mặt (đồng)	Giấy tờ có giá	Quyền tài sản	
		Không quy thành giá trị	Quy thành tiền (đồng)				Không quy thành giá trị	Quy thành tiền (đồng)				
1												
2												
3												
.....												

Mẫu THT7

**BẢNG TÀI SẢN CHUNG CỦA TỔ HỢP TÁC (nếu có):**.....

STT	Nguồn tài sản	Tài sản được chia khi tổ viên ra khỏi tổ hợp tác					Tài sản không chia khi tổ viên ra khỏi tổ hợp tác					Ghi chú
		Vật		Tiền mặt (đồng)	Giấy tờ có giá	Quyền tài sản	Vật		Tiền mặt (đồng)	Giấy tờ có giá	Quyền tài sản	
		Không quy thành giá trị	Quy thành tiền (đồng)				Không quy thành giá trị	Quy thành tiền (đồng)				
1	Tài sản được tặng, cho chung											
2	Tài sản cùng tạo lập											
2.1	Trích từ hoa lợi, lợi tức											
2.2	Tài sản khác											